

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 563/2024/DS-PT

Ngày: 17-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng;  
hợp đồng thế chấp tài sản; bồi  
thường thiệt hại ngoài hợp đồng do  
tài sản bị xâm hại.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Trần Phước Hội

***Các Thẩm phán:*** Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Bà  
Nguyễn Thị Đước - Kiểm sát viên.

Ngày 17/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm  
công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 380/2024/TLPT- DS ngày 31 tháng 7  
năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng; hợp đồng thế chấp tài sản; bồi thường  
thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm hại.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2024/DS-ST ngày 21/6/2024 của Tòa án  
nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 518/2024/QĐPT-DS ngày 5 tháng 8  
năm 2024 giữa:

***1. Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

Địa chỉ: Số A, đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

- ***Người đại diện theo pháp luật:*** Ông Trần Minh B – Chức vụ: Chủ tịch Hội  
đồng quản trị.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Dur Minh T – Phó phòng Tổng hợp Ngân hàng TMCP C, chi nhánh Đ. (Có mặt)

Địa chỉ: Số H N, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

**2. Bị đơn:** Bà Đặng Thị L, sinh năm 1974. (Vắng mặt)

HKTT: Khóm D, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: Số G, P, Khóm C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn X (Không còn hoạt động – Đã bị thu hồi giấy phép kinh doanh);

Địa chỉ: Đường P, Khóm D, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Công T1, sinh năm 1982; chức vụ: Giám đốc Công ty; Địa chỉ HKTT: Ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Ông Lê Thanh H, sinh năm 1951; (Có mặt)

HKTT: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Hiện đang bị giam tại Trại giam C1).

3.3. Ông Nguyễn Công T1, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

HKTT: Ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: Số A, tổ A, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh A.

3.4. Ông Lê Văn H1, sinh năm 1973; (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Khóm D, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1971; (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số nhà A, đường X, KDC H, phường A, quận N, thành phố C.

**4. Người kháng cáo:** Ông Lê Thanh H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- **Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP C trình bày:** Theo hợp đồng tín dụng số 357/11/PKHĐDN/HĐTD ngày 09/8/2011 thì Công ty trách nhiệm hữu hạn X (Sau đây gọi tắt là Công ty) có vay của Ngân hàng TMCP C (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) số tiền là 830.000.000đ (tám trăm ba mươi triệu đồng) để đảm bảo cho khoản vay nêu trên thì theo hợp đồng thế chấp số 357/11/PKHĐDN/TC ngày 08/8/2011, bà Đặng Thị L có dùng tài sản của mình là Quyền sử dụng đất diện tích 6.639,9m<sup>2</sup>,

thuộc thửa số 79, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại C, phường B, quận B, Thành phố C để thế chấp đảm bảo số tiền vay này cho Công ty.

Đến ngày 08/6/2015, từ nguồn bán tài sản khác của Công ty, Ngân hàng đã thu hết số nợ gốc là 830.000.000đồng, chưa thu lãi. Tiền lãi mà Công ty còn nợ lại là 584.436.431đ (năm trăm tám mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi một đồng). Số tiền lãi nợ này Ngân hàng tính theo mức lãi suất mà hai bên đã thống nhất ký kết theo hợp đồng tín dụng và không phát sinh lãi thêm nữa. Do Công ty không trả nợ lãi nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Thanh H (do Công ty không còn hoạt động và Bản án hình sự phúc thẩm số 642/2023/HS-PT ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân Cấp cao xác định Công ty là do ông H làm chủ lập ra) trả số nợ lãi này và yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng thế chấp nêu trên có hiệu lực pháp luật.

Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đến ngày 30/5/2024 bà Đặng Thị L đã thanh toán hết phần nợ lãi của Công ty cho Ngân hàng, hiện Công ty không còn nợ Ngân hàng khoản tiền nào nữa, sau khi trả nợ xong thì Ngân hàng đã giải chấp tài sản thế chấp nêu trên cho bà L. Nên Ngân hàng xin rút toàn bộ đơn khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết gì nữa.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Lê Thanh H về việc yêu cầu Ngân hàng bồi thường số tiền là tổng cộng là 5.400.000.000đồng (nay là 8.542.791.000đồng) thì Ngân hàng không thống nhất vì từ khi thế chấp và Cơ quan Công an kê biên cho tới nay thì Ngân hàng không có quản lý hoặc sử dụng phần đất thế chấp nêu trên. Việc kê biên tài sản này là do Cơ quan Công an điều tra kê biên khi Công an giải quyết vụ án hình sự liên quan đến ông H, chứ Ngân hàng không yêu cầu. Ngân hàng cũng không cho ông Huỳnh Văn K thuê phần đất thế chấp này và cũng không có quản lý, sử dụng phần đất thế chấp này.

**- Bị đơn bà Đặng Thị L trình bày:** Thống nhất theo yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn Ngân hàng. Thừa nhận có ký kết hợp đồng thế chấp số 357/11/PKHDN/TC ngày 08/8/2011 để thế chấp đảm bảo khoản vay của Công ty. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 6.639,9m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 79, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại C, phường B, quận B, thành phố C có hiệu lực pháp luật (Hợp đồng thế chấp này được đăng ký tại Cơ quan Nhà nước vào ngày 08/8/2011). Quyền sử dụng đất này hiện do bà L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên đây là tài sản của ông Lê Thanh H, bà L chỉ đứng tên thay dùm ông H thôi.

Công ty có vay tiền gốc của Ngân hàng là 830.000.000đồng và hiện nay chỉ trả được phần gốc, chưa trả lãi và còn nợ tiền lãi là 584.436.431đồng. Do Công ty không còn hoạt động và đã bị thu hồi giấy phép kinh doanh nên không có khả năng trả nợ.

Nay bà đã thanh toán hết số nợ lãi mà Công ty thiếu, Công ty không còn nợ Ngân hàng số tiền nào nữa và Ngân hàng đã giải chấp tài sản thế chấp rồi. Nay bà thống nhất việc Ngân hàng rút đơn khởi kiện.

Còn các yêu cầu khác của các đương sự thì bà không có ý kiến, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết gì trong vụ án này.

**- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:**

+ **Ông Lê Thanh H trình bày:** Ông H thống nhất Công ty do ông H thành lập có vay tiền gốc của Ngân hàng là 830.000.000đồng và có thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất diện tích 6.639,9m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 79, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại C, phường B, quận B, thành phố C. Nhưng ông H đã trả xong số nợ gốc 830.000.000đồng, chỉ còn nợ số tiền lãi là 584.436.431đồng. Nhưng tài sản của ông H thế chấp, Ngân hàng đã yêu cầu Cơ quan Công an điều tra kê biên và Ngân hàng đã lấy tài sản của ông H cho ông K thuê. Tài sản thế chấp này là của ông H, ông H chỉ cho bà L đứng tên dùm cho ông H thôi, vì trước đây giữa ông H và bà L có sống chung như vợ chồng với nhau. Bà L cũng thống nhất việc này. Việc bà L ký kết hợp đồng thế chấp này cho Ngân hàng là sự thật, mục đích là đảm bảo khoản vay của Công ty do ông H thành lập nêu trên. Hợp đồng thế chấp này đã thực hiện đúng quy định pháp luật, có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên sau khi Ngân hàng thu nợ gốc số tiền là 830.000.000đồng thì Ngân hàng không chịu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho ông H. Sau đó phần đất này bị Công an điều tra kê biên theo yêu cầu của Ngân hàng. Trong lệnh kê biên có ghi rõ việc này và giao phần đất thế chấp này cho Ngân hàng quản lý. Sau đó thì Ngân hàng lấy quản lý và cho ông K thuê lấy tiền nên gây thiệt hại cho ông H, vì đây là tài sản hợp pháp của ông H. Tài sản này đã ký hợp đồng thế chấp là đã có giao dịch đảm bảo rồi mà lại bị Công an kê biên là không đúng với quy định của pháp luật.

Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc nguyên đơn Ngân hàng trả lại diện tích đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp cho ông H và Ngân hàng phải bồi thường thiệt hại cho ông H số tiền tổng cộng là 8.542.791.000đồng (theo đơn khởi kiện ban đầu ông H yêu cầu số tiền là 5.400.000.000đồng, trong đó gốc là 3.600.000.000đồng và lãi tạm tính đến ngày 29/4/2022 là 1.800.000.000đồng), trong đó gốc là 4.260.000.000đồng và lãi tạm tính đến ngày 29/4/2024 là 4.282.791.000đồng và yêu cầu tiếp tục bồi thường cho đến khi trả lại diện tích đất tranh chấp trong vụ án cho ông H.

Trong trường hợp nếu Ngân hàng bỏ số tiền lãi này thì ông H không yêu cầu Ngân hàng bồi thường, nếu Ngân hàng không bỏ tiền lãi này cho ông H thì ông H yêu cầu Ngân hàng phải bồi thường số tiền trên cho ông H.

Tại phiên toà, ông H trình bày: Căn cứ vào Quyết định kê biên tài sản có ghi nội dung là kê biên theo yêu cầu của Ngân hàng. Khi hủy Quyết định kê biên thì

Ngân hàng phải trả lại tài sản kê biên thế chấp lại cho ông H. Nếu từ thời gian kê biên đến nay ông cho thuê tài sản thì thu nhập hàng tháng khoảng 30.000.000đồng. Nên đây là căn cứ để ông yêu cầu Ngân hàng bồi thường chứ ngoài ra ông H không còn chứng cứ nào khác để chứng minh Ngân hàng có gây thiệt hại cho ông H.

+ **Ông Lê Văn H1 trình bày:** Ông thống nhất với lời trình bày của ông H. Ông không có cho ông K thuê phần đất tranh chấp này, vì phần đất này do bà Đặng Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông chỉ cho ông K thuê phần đất của ông và của cha ông là ông H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông không có quản lý, sử dụng phần đất này. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết gì trong vụ án này.

+ **Ông Huỳnh Văn K vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày:** Phần đất tranh chấp này hiện nay ông là người quản lý sử dụng để nuôi cá. Lý do là ông thuê từ ông Lê Văn H1 con ông H, thuê từ 6 đến 7 năm trước cho tới nay. Ông thống nhất giao phần tài sản này cho Ngân hàng phát mãi bán đấu giá thi hành án cho Ngân hàng, ông không tranh chấp gì trong vụ án này. Đối với hợp đồng thuê phần đất này giữa ông và ông H1 thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, để ông và ông Lê Văn H1 tự giải quyết với nhau. Việc ông thuê phần đất này là từ ông H1 chứ không phải thuê từ Ngân hàng.

+ **Ông Nguyễn Công T1 vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày:** Ông được ông H thuê làm Giám đốc Công ty, nay ông nghỉ làm do Công ty dừng hoạt động. Hợp đồng tín dụng giữa Công ty, bà L với Ngân hàng ký kết với nhau là khi bà L còn làm Giám đốc Công ty, khi ông làm Giám đốc Công ty thì giữa ông và bà L chưa có bàn giao công nợ nên ông không biết gì đến hợp đồng tín dụng này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2024/DS-ST ngày 21/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố H tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C về việc yêu cầu ông Lê Thanh H (Đum) trả số tiền lãi 584.436.431đồng và yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng TMCP C với bà Đặng Thị L đối với diện tích đất 6.639,9m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 79, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại C, phường B, quận B, thành phố C.

Hậu quả của việc đình chỉ một phần vụ án: Ngân hàng TMCP C được quyền nộp đơn khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

Trả lại đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ đối với phần tranh chấp về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp cho Ngân hàng TMCP C nếu có yêu cầu.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Thanh H về việc yêu cầu Ngân hàng TMCP C trả lại diện tích đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp cho ông H và bồi thường thiệt hại cho ông H số tiền tổng cộng là 8.542.791.000đồng.

Trong trường hợp nếu ông Lê Thanh H có tranh chấp gì đối với ông Huỳnh Văn K hay đương sự khác về phần đất này thì ông có quyền khởi kiện tranh chấp yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Lê Thanh H (Đ) là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ngân hàng Thương mại cổ phần C được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 13.988.500đồng, theo biên lai thu số 0006453 ngày 29/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 600.000đồng, Ngân hàng Thương mại cổ phần C tự nguyện thống nhất chịu (đã tạm ứng và chi xong).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/6/2024 ông Lê Thanh H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lê Thanh H vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Thanh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Thanh H, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Đặng Thị L và ông Lê Thanh H có sống chung với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của bà Đặng Thị L và ông Lê Thanh H đều thừa nhận khi Công ty X còn hoạt động, thì có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số

357/11/PKHDN/TC ngày 08/8/2011 để vay tiền ở Ngân hàng Thương mại cổ phần C (V) gọi tắt là Ngân hàng để vay số tiền 830.000.000 đồng. Quyền sử dụng đất diện tích 6.639,9m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 79, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại C, phường B, quận B, Thành phố C do bà Đặng Thị L đứng tên dùm cho ông Lê Thanh H để thế chấp đảm bảo khoản vay.

Theo nguyên đơn trình bày từ khi vay cho đến ngày 08/6/2015, Ngân hàng đã thu hồi được nợ vốn gốc là 830.000.000 đồng, nhưng Công ty X chưa trả bất kỳ khoản tiền lãi nào cho Ngân hàng. Vì vậy, Công ty X còn nợ lại Ngân hàng số tiền lãi là 584.436.431 đồng (không phát sinh lãi thêm nữa), số tiền lãi này được tính theo sự thỏa thuận và theo quy định của hợp đồng mà hai bên đã giao kết, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H phải trả số tiền lãi trên. Tại phiên toà sơ thẩm, Ngân hàng có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu đối với phần tiền lãi 584.436.431 đồng vì số tiền lãi này bà L đã trả hết cho Ngân hàng theo đơn khởi kiện vào ngày 30/5/2024 và Ngân hàng C3 đã trả lại cho bà L toàn bộ các giấy tờ có liên quan đến tài sản đã thế chấp khi Ngân hàng cho vay. Do đó, án sơ thẩm căn cứ vào Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trên của Ngân hàng là có căn cứ.

[2] Đối với yêu cầu độc lập của ông Lê Thanh H yêu cầu Ngân hàng phải trả lại diện tích đất 6.639,9m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 79, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại C, phường B, quận B, Thành phố C do bà L đứng tên dùm ông H, mà bà L đã thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền lại cho ông H và Ngân hàng phải bồi thường thiệt hại cho ông H với số tiền tổng cộng là 8.542.791.000 đồng (theo đơn khởi kiện ban đầu ông H yêu cầu số tiền là 5.400.000.000 đồng, trong đó gốc là 3.600.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 29/4/2022 là 1.800.000.000 đồng), trong đó gốc là 4.260.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 29/4/2024 là 4.282.791.000 đồng và yêu cầu tiếp tục bồi thường cho đến khi trả lại diện tích đất tranh chấp trong vụ án cho ông H. Vì ông H cho rằng: Khi điều tra vụ án hình sự, cơ quan điều tra ra Lệnh kê biên tài sản và đã giao tài sản thế chấp này của ông cho Ngân hàng V quản lý. Tuy nhiên, theo Lệnh kê biên tài sản số 29 ngày 31/7/2012 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ thì *“tài sản được giao cho ngân hàng B1, cho đến khi có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền. Người được giao bảo quản tài sản bị kê biên mà phá hủy niêm phong, tiêu dùng, chuyển nhượng, đánh tráo, cất giấu hoặc hủy hoại, làm mất mát tài sản bị kê biên thì phải chịu trách nhiệm hình sự...”*

Đối với việc kê biên tài sản của ông H và bà L là để đảm bảo nợ vay của các tổ chức tín dụng Ngân hàng và việc giao tài sản của ông H và bà L cho các Ngân hàng quản lý khi hủy bỏ lệnh kê biên là do vụ án đã được tách ra giải quyết riêng không giải quyết chung trong vụ án hình sự nên được xem xét theo quá trình thủ tục tố tụng tiếp theo. Đồng thời, đối với tài sản là Quyền sử dụng đất diện tích 6.639,9m<sup>2</sup> thuộc thửa số 79, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại C, phường B, quận B, Thành phố C để đảm bảo thế chấp cho khoản vay thì kể từ khi cơ quan điều tra ra

lệnh kê biên và giao cho Ngân hàng V quản lý thì phía Ngân hàng chỉ quản lý giấy tờ có liên đến phần đất mà ông H và bà L đã thế chấp, Ngân hàng không quản lý tài sản thế chấp hiện hữu; đồng thời khi quản lý phần tài sản thế chấp này phía Ngân hàng V không ký hợp đồng cho thuê hay có hành vi nào hưởng lợi từ tài sản này. Khi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/5/2022 của Tòa án cấp sơ thẩm thì phần đất thế chấp mà Ngân hàng V đang quản lý, hiện do ông Huỳnh Văn K đang nuôi cá tra.

Căn cứ vào biên bản lấy lời khai ông K ngày 18/5/2022, thì ông K xác định, phần đất này là do ông Lê Văn H1 (là con của ông H) cho ông thuê để nuôi cá đã được 6-7 năm để trừ nợ, chứ Ngân hàng V không có cho ông thuê (tại bút lục số 174); ngoài ra khi bà L trả xong phần tiền lãi cho phía Ngân hàng V vào ngày 30/5/2024, thì phía Ngân hàng cũng đã trả lại cho bà L đầy đủ các giấy tờ mà Ngân hàng đang quản lý có liên quan đến phần diện tích đất thế chấp, nên án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông H là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, xét đơn kháng cáo của ông Lê Thanh H là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên ông H phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng do ông H là người cao tuổi có đơn xin miễn theo quy định pháp luật, nên miễn tiền án phí phúc thẩm cho ông H.

[3] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Thanh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ, khoản 1; Điều 12; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Thanh H.
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 21/2024/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố H.



3. Đình chỉ một phần vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C về việc yêu cầu ông Lê Thanh H (Đum) trả số tiền lãi 584.436.431 đồng và yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng TMCP C với bà Đặng Thị L đối với diện tích đất 6.639,9m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 79, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại C, phường B, quận B, Thành phố C.

Hậu quả của việc đình chỉ một phần vụ án: Ngân hàng TMCP C được quyền nộp đơn khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

Trả lại đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ đối với phần tranh chấp về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp cho Ngân hàng TMCP C nếu có yêu cầu.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Thanh H về việc yêu cầu Ngân hàng TMCP C trả lại diện tích đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp cho ông H và bồi thường thiệt hại cho ông H số tiền tổng cộng là 8.542.791.000 đồng.

Trong trường hợp nếu ông Lê Thanh H có tranh chấp gì đối với ông Huỳnh Văn K hay đương sự khác về phần đất này thì ông H có quyền khởi kiện tranh chấp yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Lê Thanh H (Đ) là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ngân hàng Thương mại cổ phần C được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 13.988.500 đồng, theo biên lai thu số 0006453 ngày 29/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 600.000 đồng, Ngân hàng Thương mại cổ phần C tự nguyện thống nhất chịu (đã tạm ứng và chi xong).

6. Án phí phúc thẩm: Miễn tiền án phí cho ông Lê Thanh H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H;
- TAND thành phố H;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Trần Phước Hội**